

VẤN ĐỀ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG TỪ XÔ VIẾT
NGHỆ-TÍNH ĐẾN NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ
CỘNG HÒA - NHẬN THỨC VÀ THỰC TIỄN

NGUYỄN TRI THƯ⁺

1. Chính quyền nhà nước là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng. Về mặt lí luận, V. Lênin đã giải quyết căn bản vấn đề này trong tác phẩm nổi tiếng "Nhà nước và cách mạng". Đồng thời Người cũng thể nghiệm thành công trong thực tiễn qua cuộc cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại bằng việc thiết lập nhà nước công nông đầu tiên trên thế giới. Ở Việt Nam, dưới thời thống trị của thực dân Pháp, vấn đề này luôn luôn là một mục tiêu hàng đầu của mọi phong trào giải phóng dân tộc chân chính: đánh đổ ách thống trị của bọn xâm lược nước ngoài để khôi phục lại chủ quyền đất nước, thiết lập một nhà nước độc lập của Việt Nam. Cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, cùng với biến chuyển của thời cuộc trên thế giới (phong trào vận động dân chủ tư sản sôi động ở châu Á, nhất là ở Trung Quốc và Nhật Bản; sự bùng nổ thắng lợi của cuộc cách mạng tháng Mười Nga...) và trong nước (những biến chuyển tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, sự phân hóa giai cấp ở Việt Nam qua các cuộc khai thác thuộc địa của Pháp; sự du nhập ý thức hệ tư sản và sự truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam...), phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam đã có những bước chuyển mạnh mẽ cả về tính chất, nội dung, quy mô và hình thức. Từ phong trào giải phóng dân tộc mang màu sắc phong kiến qua phong trào vận động dân tộc dân chủ tư sản và cuối cùng là vô sản. Gắn liền với những biến chuyển đó, nhận thức về chính quyền nhà nước cũng có những thay đổi căn bản. Nội dung độc lập dân tộc, xét về mặt nhà nước, đã đi từ quân chủ (Cần Vương) đến quân chủ lập hiến, cộng hòa dân quốc Việt Nam (Duy tân hội, Việt Nam quang phục hội của Phan Bội Châu) và cuối cùng là nhà nước kiểu vô sản. Ở đây ta không kể đến các loại "mô hình" về nhà nước kiểu "trực trị" của Nguyễn Văn Vĩnh, "lập hiến" của Phạm Quỳnh hay các kiểu nhà nước "Pháp-Việt đề huề" khác.

Về nhà nước kiểu vô sản, Chính cương và Sách lược vắn tắt của Đảng cộng sản Việt Nam khi mới ra đời đã ghi rõ mục tiêu chính trị của mình:

- a) Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến;
- b) Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập;

(+) PGS. PTS. Đại học Tổng hợp Hà Nội

c) Dựng ra chính phủ *công nông binh*" (1)

Quan niệm thành lập nhà nước công nông binh là một bước nhảy vọt về nhận thức. Lần đầu tiên ở nước ta, một chính đảng cách mạng đã đề ra trong cương lĩnh chính trị của mình về xây dựng một nhà nước kiểu mới hoàn toàn khác, nhà nước của tuyệt đại đa số nhân dân bao gồm những người lao động bị áp bức. Mục tiêu đó là sự nghiệp của quần chúng nhân dân đông đảo mà trong đó, như Nguyễn Ái Quốc nêu ra trong "Đường cách mạng", "Công nông là gốc cách mạng", còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ là bầu bạn của công nông (2). Trong Chính cương và Sách lược vắn tắt Người còn nói rõ hơn: ngoài công nông là lực lượng chính của cách mạng, còn "phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông... để kéo họ đi về phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, *trung tiểu địa chủ* và tư bản Việt Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít nữa làm cho họ trung lập" (3).

Nhận thức trên đây có hai mặt. Một mặt là sự vận dụng rất sáng tạo những tư tưởng của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa vào thực tiễn cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Điều sáng tạo độc đáo ở đây là chỗ: trong khi nhấn mạnh vấn đề liên minh công nông, vấn đề giai cấp, Nguyễn Ái Quốc đồng thời nhấn mạnh vấn đề đại đoàn kết toàn dân, vấn đề dân tộc. Tuy nhiên, một mặt khác, độc lập dân tộc- sản phẩm của khối đại đoàn kết toàn dân- lại đi đến thành lập chính quyền công nông binh là khập khiễng. Đó là sự sao chép máy móc. Điều này cũng thật dễ hiểu nếu chúng ta nhớ lại thực tiễn lịch sử lúc đó. Từ kinh nghiệm công xã Pari và xô viết Nga mà Lênin đã lập ra nhà nước xô viết trong cách mạng tháng Mười 1917. Tiếp theo đó, noi gương nước Nga Xô viết, giai cấp công nhân Đức (1917) và Hungari (1919) cũng đã thành lập được chính quyền Xô viết trong thời gian ngắn. Giai cấp công nhân và nông dân Trung Quốc cũng đã thành lập chính quyền Xô viết ở mấy tỉnh Hoa Nam trong thời kỳ đầu cuộc nội chiến lần thứ hai (1927-1937). Như vậy, cho tới những năm 1930 các chính Đảng cách mạng vô sản trên thế giới chưa hề biết một hình mẫu nào về chính quyền cách mạng của mình ngoài chính quyền Xô viết. Vấn đề này đã được Quốc tế cộng sản tổng kết như một chuẩn mực của nhà nước vô sản. Trong Luận cương chính trị tháng 10-1930 của Đảng cộng sản Đông Dương, vấn đề chính quyền Xô viết công nông được khẳng định rõ là điều kiện cốt yếu của cách mạng: "Chỉ có chính quyền Xô viết công nông mới là cái khí cụ rất mạnh mà đánh đổ đế quốc chủ nghĩa, phong kiến địa chủ, làm cho dân cày có đất mà cày, làm cho vô sản có pháp luật bảo hộ quyền lợi cho mình" (4). Chính quyền Xô viết công nông đó được coi là sản phẩm của hai động lực cách mạng chính là "vô sản giai cấp và nông dân", nói cụ thể hơn, "đồng minh của giai cấp vô sản là bọn trung nông và bản nông". Ngoài ra, trừ "các phần tử lao khổ ở thành phố như là hạng bán rao ngoài đường, thủ công nghiệp nhỏ không mướn thợ, trí thức thất nghiệp v.v... vì sinh hoạt cực khổ cho nên đều theo cách mạng cả", tất cả các giai cấp tầng lớp xã hội khác còn lại, thì hoặc là "đứng về một phe với đế quốc chủ nghĩa và địa chủ mà chống cách mạng" (tư bản thương mại), hoặc là "chỉ đứng về mặt quốc gia cải lương. Nhưng khi phong trào quần chúng nổi lên cao, cách mạng vô sản đến trước mắt, thì bọn này sẽ theo phe đế quốc chủ nghĩa" (tư bản công nghệ). Đối với tiểu tư sản, thì hoặc là "đối với cách mạng rất do dự" (thủ công nghiệp), hoặc "không tán thành cách mạng" (thương gia), hoặc là đối với cách mạng "cũng hăng hái tham gia, nhưng chỉ lúc đầu mà thôi" (trí thức tiểu tư sản, học sinh v.v...) (5). Coi động lực cách mạng là hai giai cấp công nhân và nông dân để đi đến thành lập chính quyền Xô viết công nông là sự phù hợp hình thức về mặt lí luận. Song nhìn nhận và đánh giá các giai cấp tầng lớp xã hội ngoài công nông trên đây rõ ràng là một sai lầm tả

khuyh nặng nề, một bước thụt lùi so với Chính cương và sách lược vắn tắt. Đó là cơ sở tư tưởng lí luận đầu tiên về nội dung nhà nước cách mạng ở Việt Nam, trong đó bao gồm cả những khiếm khuyết và hạn chế của nó. Xô viết Nghệ Tĩnh ra đời có thể coi là bước phác thảo đơn giản theo quan niệm về một nhà nước cách mạng như vậy.

2. Xô viết Nghệ - Tĩnh ra đời là sản phẩm của cao trào cách mạng 1930-1931, mà trực tiếp là cao trào đấu tranh sôi sục quyết liệt của nhân dân hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Nó ra đời hoàn toàn nằm ngoài dự kiến của lãnh đạo. Phong trào đã phát triển vượt quá mức cần thiết mà những điều kiện khách quan và chủ quan cho phép. Về mặt này, Xô Viết Nghệ Tĩnh là một hành động tự phát của quần chúng. Nhưng mặt khác, xét về hệ quả thực tế mà phong trào quần chúng này đưa lại, thì đó lại là một bước đi tất yếu, một sáng tạo độc đáo của quần chúng Nghệ-Tĩnh. Thật vậy, trong điều kiện chính quyền địch tan rã từng mảng ở nông thôn trước cơn bão táp cách mạng của quần chúng yêu cầu khách quan cấp thiết đặt ra là cần phải có một cơ quan đứng ra quản lý xã hội vì mặt nhà nước. Trong điều kiện đó, xã bộ nông từ một đoàn thể lãnh đạo quần chúng nông dân đấu tranh đã nhanh chóng và chủ động đứng ra đảm nhiệm chức năng của một chính quyền, mà về sau Đảng ta đã gọi đúng với bản chất của nó- chính quyền xô viết. Quá trình xác lập quyền uy xô viết cũng là quá trình đồng thời với sự tan rã của cơ chế quyền lực cũ và mức độ của nó phụ thuộc vào tương quan lực lượng hai bên. Sự xác lập quyền uy xô viết là tất nhiên: trước hết là quần chúng nhân dân đã đem lại cho nó và cần ở nó một quyền uy như vậy. Mọi việc lớn nhỏ trong thôn xã họ đều tìm đến xã bộ nông giải quyết giúp đỡ. Và cũng không có ai khác ngoài xã bộ nông có đủ tư cách như vậy. Bởi vì đây là đoàn thể cách mạng mạnh nhất, thu hút đông đảo quần chúng nhất, bao trùm nhất ở nông thôn. Số hội viên nông hội đỏ ở Nghệ-Tĩnh vào tháng 6.1931 là 48.464 người, chiếm số lượng tuyệt đối so với các đoàn thể quần chúng cách mạng khác: công hội đỏ 399 người, phụ nữ giải phóng 8648 người, cứu tế đỏ 2745 người, v.v... (6). Xã bộ nông không phải - và trong điều kiện lúc đó cũng không cần phải như vậy - xác lập quyền lực của mình về mặt pháp lý một cách máy móc thông qua việc bầu cử như công xã Paris mà chính Mác đã phê phán. Bởi vì xã bộ nông là người đã tổ chức lãnh đạo quần chúng đấu tranh với kẻ thù, bảo vệ quyền lợi của họ, và do đó nó được sự tín nhiệm tuyệt đối vì sự thừa nhận đương nhiên của quần chúng. Ngược lại, với ý thức trách nhiệm đầy đủ trước đòi hỏi của quần chúng, xô viết Nghệ-Tĩnh đã tự tạo ra quyền uy của mình: thành lập tòa án trừng trị bọn phản động, thành lập các đội tự vệ đỏ để bảo vệ quần chúng, làm chỗ dựa cho quần chúng đấu tranh. Với tư cách là một chính quyền cách mạng nó đã chuyên chính với kẻ thù của nhân dân và thực hiện các quyền dân chủ cho nhân dân trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, tạo ra một "xã hội mới" chưa từng có ở nông thôn Việt Nam. Xô viết Nghệ-Tĩnh thực sự là một kiểu chính quyền mới lần đầu tiên xuất hiện ở nước ta, một chính quyền do dân, của dân và vì dân. Cũng vì thế mà nó tạo nên một sức mạnh to lớn, in dấu ấn sâu sắc trong đời sống xã hội và trong mỗi người lao động bị áp bức.

Xô viết Nghệ-Tĩnh chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn (chưa đầy một năm trời) quy mô còn nhỏ (chỉ ở cấp, xã, thôn), bộ máy đơn giản. Chưa có một huyện nào xô viết được thành lập trong tất cả các xã. Huyện Thanh Chương là nơi có phong trào cao nhất chính quyền xô viết cũng mới chỉ thiết lập được ở 68 trong tổng số 76 xã (7). Các xô viết đều thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng, có quan hệ và hỗ trợ lẫn nhau trong tranh đấu và bảo vệ quyền lợi chung, nhưng lại chưa được thống nhất lại theo hệ thống tổ chức

của một bộ máy quyền lực cách mạng từ trên xuống dưới. Tất cả đều có nhiều nguyên nhân, trong đó không loại trừ những hạn chế nhận thức của lãnh đạo về một hệ thống quyền lực như vậy. Và lại, điều này là chủ yếu, xô viết Nghệ-Tĩnh ra đời đã đặt Đảng ta vào một giải pháp tình thế. Bởi vì "việc đã như vậy rồi, thì bây giờ phải làm cách thế nào mà duy trì kiên cố ảnh hưởng của Đảng, của Xô viết trong quần chúng để khi đến thất bại thì ý nghĩa xô viết ăn sâu vào trong óc quần chúng và lực lượng của Đảng và Nông hội vẫn duy trì" (8). Điều đó cũng có nghĩa phải chủ động chuẩn bị một cuộc "rút lui có trật tự", chấp nhận một thất bại tạm thời. Mà sự thất bại đó là điều không tránh khỏi.

Xô viết Nghệ - Tĩnh đã lôi cuốn dường như toàn bộ nông dân tham gia vào sự nghiệp cách mạng của nó. Nội dung cụ thể mà nó giải quyết trước hết và chủ yếu cũng là những vấn đề cho nông dân và đặt ra ở nông thôn Việt Nam lúc bấy giờ. Tất nhiên là còn nhiều hạn chế, kể cả về vấn đề ruộng đất. Xô viết Nghệ- Tĩnh là *Xô viết nông dân*. Trong khi nhấn mạnh tính chất giai cấp của mình nó đã phạm phải những sai lầm tả khuynh ấu trĩ, cô độc, thậm chí không ít trường hợp đả kích cả vào chính giai cấp mình. Như vay thóc địa chủ để cứu đói nó đã đụng chạm cả vào trung nông. Diễn hình của bệnh ấu trĩ, cô độc là chỉ thị thanh đảng của Xứ ủy Trung Kỳ "trí phú địa hào đào tận gốc tróc tận rễ" mà trung ương đã kịp thời uốn nắn. Thực tế sự phân hóa và thái độ chính trị các giai cấp ở Nghệ-Tĩnh (và qua đó là cả Việt Nam) khác xa với nhận định của Luận cương chính trị. Cụ thể qua cao trào cách mạng, trừ một số nhỏ làm tay sai cho đế quốc, còn "các tầng lớp trí thức và một số sĩ phu, một số trung tiểu địa chủ, lại có xu hướng cách mạng rõ ràng. Qua khủng bố trắng dữ dội họ vẫn cố gắng bám lấy cách mạng và âm thầm ủng hộ cách mạng nhất là tiểu địa chủ và phú nông, trung nông hạng trên. Một số nhà nho bản hàn cũng cảm tình với cách mạng" (9). Một số quan lại nhỏ, tư sản nhỏ cũng có ý thức và xu hướng như vậy. Thực tiễn sinh động trên đã giúp Đảng ta sửa chữa một phần những thiếu sót trong nhận định trước đây của mình. Ngày 18.11.1930, tức là chưa đầy một tháng sau khi thông qua Luận cương chính trị, Đảng đã ra chỉ thị về việc thành lập Hội phân để Đồng minh Đông Dương. Tiếc rằng do nhiều nguyên nhân bản chỉ thị đó chưa được thi hành trong thực tế. Thực tiễn trên cũng chứng tỏ: hình thức nhà nước xô viết công nông là không phù hợp với Việt Nam. Với tất cả những ưu điểm và thiếu sót của mình, xô viết Nghệ - Tĩnh được coi như là bước thử nghiệm của chính quyền cách mạng đầu tiên ở Việt Nam.

3. Thời kỳ 1939-1945, những tiền đề khách quan và chủ quan đã đưa vấn đề độc lập dân tộc trở thành một mục tiêu trực tiếp của cách mạng Việt Nam. Và lẽ đương nhiên vấn đề chính quyền cách mạng cũng trở thành vấn đề trực tiếp, đòi hỏi Đảng tiên phong phải giải quyết thấu cả về mặt lý luận và thực tế. Sáng tạo lớn nhất của Đảng ta lúc này là đã biết đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, nhiệm vụ chống phong kiến từng nhiệm vụ chống đế quốc. Nhân tố dân tộc trong cách mạng đã được đánh giá đúng đắn và khai thác triệt để. Cũng trên cơ sở đó mà nhận thức về vấn đề chính quyền cách mạng cũng có những thay đổi căn bản. Hội nghị trung ương lần thứ 6 của Đảng (11.1939) đã quyết định "chưa đưa khẩu hiệu lập chính phủ "xô viết công nông binh" là hình thức chính phủ riêng của dân chúng lao động, mà đưa khẩu hiệu "chính phủ Liên bang cộng hòa dân chủ Đông Dương" là hình thức chính phủ chung cho tất cả các tầng lớp dân chúng trong xứ và trong phong trào giải phóng dân tộc" (10). Từ xô viết công nông binh đến dân chủ cộng hòa là một bước tiến lớn về nhận thức. Nhưng phải đến hội nghị trung ương lần thứ 8 (5.1941) dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Hồ Chí Minh thì vấn đề chính

quyền mới được giải quyết thực sự hoàn chỉnh. Một là, trên cơ sở đánh giá chính xác hơn nữa sự phân hóa giai cấp của xã hội nước ta dưới ách thống trị của đế quốc Pháp-Nhật, nhất là các giai cấp ngoài công nông, hội nghị trung ương 8 tiếp tục phát triển những tư tưởng mà hội nghị trung ương 6 và 7 đã đề ra để nhấn mạnh hơn nữa vấn đề dân tộc giải phóng. "Đế quốc Pháp - Nhật chẳng những áp bức các giai cấp thợ thuyền, dân cày, mà chúng nó áp bức bóc lột cả các dân tộc không chừa một hạng nào. Dầu là anh tư bản, anh địa chủ, một anh thợ hay một anh dân cày đều cảm thấy cái ách nặng nề của đế quốc là không thể nào sống được. Quyền lợi tất cả các giai cấp bị cướp giật, vận mạng dân tộc nguy vong không lúc nào bằng". Vì vậy: "Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được" (11). Đó là sự phân tích hết sức mẫu mực về mối quan hệ giữa vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc ở Việt Nam, có ý nghĩa như một nguyên tắc trong chỉ đạo chiến lược. Hai là, hội nghị trung ương 8 đã khắc phục được một quan điểm tả khuynh máy móc về vấn đề dân tộc chi phối Đảng ta suốt từ hội nghị trung ương lần thứ 1 (10, 19, 30) đề đặt vấn đề dân tộc trong *khuôn khổ của từng nước Đông Dương*. Điều này đã động viên to lớn tinh thần dân tộc ở một nước Đông Dương, chống lại âm mưu chia rẽ xuyên tạc của kẻ thù. Những tư tưởng trên đây thực chất là sự khẳng định và phát triển những tư tưởng của Hồ Chí Minh trong thực tế. Những tư tưởng này đã được Người phác họa ra ngay từ ngày đầu thành lập Đảng. Trên cơ sở nhận thức đúng đắn, toàn diện về vấn đề dân tộc và giai cấp như vậy, hội nghị trung ương lần thứ 8 đã chủ trương riêng ở Việt Nam sau khi đánh đuổi đế quốc Pháp-Nhật sẽ thành lập một chính phủ nhân dân của Việt Nam dân chủ cộng hòa. Chính phủ ấy do quốc dân đại hội cử ra và nó "không phải thuộc quyền riêng của một giai cấp nào mà là của chung cả toàn thể dân tộc, chỉ trừ có bọn tay sai của đế quốc Pháp-Nhật và những bọn phản quốc, những bọn thù, không được giữ chính quyền, còn ai là người dân sống trên giải đất Việt Nam đều phải được một phần tham gia giữ chính quyền, phải có một phần nhiệm vụ giữ lấy và bảo vệ chính quyền ấy" (12). Quá trình thiết lập chính quyền cách mạng ở nước ta còn được Đảng dự kiến sẽ trải qua ba bước: "a - Lúc vũ trang khởi nghĩa lấy được một địa phương phải thành lập ngay *chính phủ nhân dân* ở địa phương ấy". Chính phủ này phải thực hiện ngay việc bãi bỏ sưu thuế của đế quốc, thực hiện các quyền tự do, tổ chức đời sống cho nhân dân và động viên nhân dân tiếp tục cuộc khởi nghĩa. "b- Lúc vũ trang khởi nghĩa lấy được một địa phương khá to, phải thành lập *Chính phủ nhân dân lâm thời toàn quốc*". "c- Lúc vũ trang khởi nghĩa, lấy được toàn quốc thì thành lập *Chính phủ nhân dân chính thức toàn quốc* do toàn dân bầu ra" (13). Những quan điểm này đã được Đảng ta cụ thể hóa từng bước trong cao trào giải phóng dân tộc và trở thành hiện thực qua cao trào tiền khởi nghĩa và tổng khởi nghĩa đưa đến sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

4. Sự khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tế đã đưa đến sự kiện vĩ đại: Mặt trận Việt Minh ra đời ngày 19.5.1941. Với chương trình cứu nước đúng đắn, với hình thức tổ chức rộng rãi phù hợp, mặt trận Việt Minh đã nhanh chóng lôi cuốn hàng triệu quần chúng bao gồm hầu hết các giai cấp tầng lớp xã hội và cá nhân yêu nước tham gia vào phong trào giải phóng. Đội quân chính trị hùng hậu của cách mạng đã được hình thành. Và trên cơ sở đó lực lượng vũ trang cách mạng cũng ra đời và phát triển từng

bước vững chắc, có thể nói lần đầu tiên lực lượng cách mạng toàn dân đã được tập hợp lại trong một tổ chức cách mạng duy nhất và thống nhất: mặt trận Việt Minh bao gồm trong đó là các đoàn thể cứu quốc. Đó là cơ sở, là nền tảng để đưa đến hình thành hệ thống chính quyền cách mạng nước ta sau này. (Nói đúng ra trong cuộc khởi nghĩa Nam kỳ 11.1940 chính quyền cách mạng cũng đã được thành lập ở một số vùng nông thôn Nam Bộ nhưng chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn; lâu nhất là một xã ở tỉnh Mỹ Tho cũng chỉ tồn tại được trong 49 ngày).

Thời kỳ đầu, "ở những vùng có phong trào Việt Minh phát triển mạnh như các tổng xã" (hoàn toàn thuộc căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng (tức là những nơi hầu hết quần chúng đã tham gia các hội cứu quốc), thì ở đó Việt Minh đã tạo cho mình quyền uy như một chính quyền thực sự, tồn tại bán công khai song song với chính quyền của địch. Các đoàn thể cứu quốc (nông dân, phụ nữ, thanh niên, nhi đồng, lão nhân, chủ yếu là ba đoàn thể trên) và Việt Minh có một hệ thống tổ chức ngang dọc chặt chẽ và rất rộng rãi từ xã, tổng lên đến phủ châu tỉnh. Những vùng này sinh hoạt chính trị của quần chúng như mít tinh, hội họp, triển lãm, quyên góp, tuyên truyền sách báo, luyện tập quân sự, v.v... diễn ra liên tục và hết sức sôi nổi, kết quả "oai tín của đoàn thể lên cao vô độ. Chỉ xem một hiện tượng này thì rõ quyền lực của ban Việt Minh xã không chỉ hạn trong một phạm vi những vấn đề chính trị mà còn ăn rộng vào sinh hoạt hàng ngày. Các ban chấp hành đã từng có nhiều nghị quyết cấm cờ bạc, rượu chè quá độ, cấm trai gái, họ đã từng giải quyết nhiều vấn đề lôi thôi giữa hội viên như trâu ăn lúa ruộng, chửi mắng nhau, xúc phạm danh dự nhau. Nhờ oai tín vô độ đó nên nhiều xã hình như đã thuộc dưới quyền quản lý của đoàn thể cách mạng tuy rằng bọn lí dịch của đế quốc vẫn y nguyên như cũ" (14). Mặc dầu vậy Việt Minh vẫn không phải là chính quyền. Chức năng nhiệm vụ và hoạt động của nó là tuyên truyền vận động chuẩn bị cho quần chúng tiến tới khởi nghĩa khi thời cơ tới. Hoạt động của nó được coi như bước chuẩn bị tạo tiền đề về tổ chức và xã hội cho sự ra đời của chính quyền cách mạng sau này.

Cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc do cuộc đảo chính Nhật-Pháp ngày 9.3.1945 gây ra đã làm cho thời cơ khởi nghĩa từng phần xuất hiện ở nhiều vùng nông thôn nhất là nông thôn miền núi. Vì thế trong cao trào kháng Nhật cứu nước vĩ đại chính quyền địch đã bị đánh đổ và tan vỡ từng mảng, đưa đến sự ra đời của chính quyền cách mạng dưới hai hình thức: ủy ban dân tộc giải phóng (gọi tắt là *ủy ban giải phóng*) và ủy ban nhân dân cách mạng ở các làng hoặc ủy ban công nhân cách mạng ở các xí nghiệp (gọi tắt chung là *ủy ban nhân dân*). Ủy ban giải phóng thực chất là một hình thức tiền chính phủ nó chuẩn bị cho nhân dân tiến lên giành và giữ chính quyền. Nó có tính chất quá độ, ra đời trong quá trình chính quyền địch bắt đầu và đang đi đến tan rã hoàn toàn. Nó bắt tay ngay vào việc thực hiện các quyền tự do dân chủ cho nhân dân, đồng thời và chủ yếu là động viên nhân dân tiến lên giành chính quyền. Khi khởi nghĩa hoàn toàn thắng lợi nó sẽ hết nhiệm vụ để nhường bước cho các ủy ban nhân dân cách mạng. Song ở những nơi cách mạng đã hoàn toàn làm chủ sẽ thành lập ngay các ủy ban nhân dân mà không nhất thiết phải qua hình thức ủy ban giải phóng. Thời kỳ xô viết Nghệ-Tĩnh, khi chính quyền địch tan rã, xã bộ nông đứng ra đồng thời đảm nhiệm chức năng của chính quyền cách mạng. Còn ở đây, Việt Minh không "trở thành" hay "kiêm nhiệm" chức năng chính quyền một cách đơn giản như vậy. Mặt trận Việt Minh với tư cách là đại diện của các đoàn thể quần chúng sẽ tiến hành mít tinh công khai (hoặc bí mật tùy hoàn cảnh) để "bầu ra" /cử ra/ ủy ban giải phóng hay ủy ban nhân dân. Quá trình này đều do Việt Minh đứng ra tổ chức, lãnh đạo, làm nòng cốt, định hướng về nhân sự và vận động quần chúng. Ngoài các

đại biểu (thường là đại diện các đoàn thể) của mình tham gia chính quyền, Việt Minh còn giới thiệu cả một số đại biểu có uy tín (kể cả một số kì hào thân sĩ tốt) tham gia. Ở những nơi chưa có cơ sở Việt Minh vẫn có thể tổ chức chính quyền cách mạng bằng cách nhờ các tổ chức Việt Minh vùng lân cận hoặc các đội xung phong của cấp trên cử về giúp đỡ. Sau khi chính quyền cách mạng ra đời ở cấp nào, ban Việt Minh cấp ấy vẫn tồn tại, đồng thời nó còn "lãnh đạo" chính quyền cách mạng thông qua "Việt Minh đoàn" - gồm các đại biểu Việt Minh trong chính quyền (cần nhớ rằng trong nhiều địa phương lúc này chưa có cơ sở Đảng). Đỉnh cao của chính quyền cách mạng trong thời kỳ khởi nghĩa từng phần là sự ra đời của Ủy ban lâm thời khu giải phóng theo nghị quyết hội nghị cán bộ Việt Minh 6 tỉnh Việt Bắc ngày 4.6.1945. Ủy ban lâm thời khu giải phóng đã lãnh đạo nhân dân toàn khu (bao gồm 6 tỉnh và một số vùng xung quanh rộng 4 vạn km² với hơn 1 triệu dân) trên tất cả các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa xã hội nhằm thực hiện chương trình Việt Minh và tổng động viên nhân dân toàn khu chống Nhật, biến Việt Bắc thành căn cứ địa cách mạng chung cả nước.

Sự ra đời của chính quyền cách mạng địa phương trong khởi nghĩa từng phần là sự chuẩn bị, tập dượt cho quần chúng và thúc đẩy nhanh chóng quá trình tiến tới thiết lập chính quyền cách mạng trong cả nước. Tháng 8.1945 thời cơ cách mạng đã chín muồi hoàn toàn; hội nghị toàn quốc của Đảng đã quyết định toàn dân tổng khởi nghĩa. Trong bối cảnh đó, Quốc dân Đại hội, một sự kiện chính trị mà Hồ Chí Minh đã chuẩn bị từ cuối năm 1944, do Tổng bộ Việt Minh triệu tập đã họp ở Tân Trào (16, 17.8.1945) đề bầu ra Ủy ban dân tộc giải phóng toàn quốc-tiền thân của chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Có thể coi Quốc dân Đại hội là một "tiền Quốc hội", chuẩn bị về mặt pháp lý và những nguyên tắc, thể thức cơ bản cho sự ra đời của nước Việt Nam mới. Song song với quá trình nông thôn cùng thành thị đồng loạt nổi dậy giành chính quyền trong cả nước, chính quyền cách mạng thời kỳ tổng khởi nghĩa phát triển có tính chất đột biến: từ dưới lên trên đồng thời với từ trên xuống dưới để nhanh chóng trở thành một hệ thống từ trung ương tới địa phương. Ngày 28.8.1945 Ủy ban dân tộc giải phóng toàn quốc đã bổ sung thêm một số nhân sĩ trí thức tiêu biểu và cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Tuyên cáo thành lập chính phủ lâm thời đã vạch rõ đây không phải là "chính phủ riêng của Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh), như có người lầm tưởng. Cũng không phải là một chính phủ chỉ bao gồm đại biểu của các chính đảng. Nó thật là một chính phủ quốc gia thống nhất, giữ trọng trách là chỉ đạo cho toàn quốc, đợi ngày triệu tập được Quốc hội để cử ra một chính phủ dân chủ cộng hòa chính thức" ⁽¹⁵⁾, Chính phủ lâm thời đã chính thức ra mắt quốc dân trong ngày lễ Tuyên ngôn Độc lập ngày 2.9.1945 tại Hà Nội. Sự kiện trọng đại này đánh dấu hệ thống chính quyền cách mạng đã hoàn chỉnh và thống nhất trên phạm vi cả nước. Một trong những nhiệm vụ trước mắt đầu tiên của Chính phủ lâm thời là đứng ra tổ chức lãnh đạo cuộc Tổng tuyển cử ngày 6.1.1946 đã đưa đến sự ra đời của Chính phủ chính thức nước Việt Nam dân chủ cộng hòa do kỳ họp đầu tiên của Quốc hội khóa I ngày 2.3.1946 xác nhận.

Đến đây chính quyền cách mạng đã được hoàn chỉnh cả về mặt cơ cấu, hệ thống tổ chức và cơ sở pháp lý, dù tư cách là uy tín để đại diện cho nhân dân Việt nam trong công tác đối nội và đối ngoại, trở thành công cụ sắc bén để động viên nhân dân kháng chiến kiến quốc.

5- Qua quá trình nhận thức và thực tiễn của nhà nước cách mạng Việt Nam từ 1930

đến khi nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời ta có thể rút ra một số nhận xét sau đây:

- Nhận thức về nhà nước cách mạng ở Việt Nam, một nước thuộc địa - phong kiến mà ở đây nhân tố dân tộc luôn luôn bao trùm và chi phối toàn bộ đời sống kinh tế, chính trị, xã hội là một quá trình gian khổ và phức tạp. Đó là quá trình vận dụng những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin vào thực tiễn Việt Nam, quá trình đấu tranh chống lại những tư tưởng giáo điều tả khuynh để từng bước hình thành hoàn chỉnh và khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh về chính quyền cách mạng trong thực tế.

- Chính thể dân chủ cộng hòa là hình thức nhà nước đại diện phù hợp nhất, là kết quả trực tiếp của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam, cuộc cách mạng bao gồm hết thảy các tầng lớp giai cấp xã hội và cá nhân yêu nước tham gia. Ta thường nói chính thể đó là nền chuyên chính dân chủ nhân dân mà thực chất là chuyên chính công nông. Thuật ngữ cụ thể có thể phải bàn thêm. Song trước hết cần phải nhấn mạnh tính chất đại diện và chức năng dân tộc của nhà nước này, một nhà nước trong đó đại biểu cho quyền lợi của tất cả các thành phần kinh tế, xã hội có khuynh hướng độc lập dân tộc chống đế quốc.

- Từ mặt trận dân tộc thống nhất đến chính quyền cách mạng là một bước phát triển nhảy vọt. Đó là sự phát triển từ quyền uy chính trị của tổ chức quần chúng lên quyền uy đặc biệt của bộ máy nhà nước. Bước nhảy vọt đó được thực hiện dường như đồng thời với quá trình sụp đổ của bộ máy chính quyền cũ. Về thành phần tham gia và tập trung, tính chất đại diện của chính quyền rộng hơn và cao hơn mặt trận. Mặt trận, người đại diện cho nhân dân đã "khai sinh" ra và luôn luôn là chỗ dựa vững chắc của chính quyền. Nhân dân ta đã thực hiện quyền làm chủ của mình thông qua một cơ cấu quyền lực và công cụ sắc bén do chính mình xác lập nên. Tính chất do dân, của dân, vì dân của chính quyền cách mạng ở nước ta đã được hình thành như vậy. Do dân, của dân nói lên nguồn gốc sức mạnh và chỗ dựa của chính quyền, vì dân nói lên bản chất chính trị của chính quyền đó và ba yếu tố này thống nhất gắn bó chặt chẽ tác động lẫn nhau. Nhưng khi có chính quyền, trong mối quan hệ với quần chúng sử dụng quyền uy thường có khuynh hướng lấn át tuyên truyền vận động thuyết phục. Do đó vị trí chức năng của mặt trận thường bị hạ thấp và quan niệm sai lệch. Mầm mống chủ nghĩa quan liêu nhà nước cũng bắt đầu xuất hiện từ đây và có cơ phát triển. Nên không phải ngẫu nhiên mà ngay sau khi nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, song song với quá trình xây dựng chính quyền mới, Hồ Chí Minh đã đặc biệt quan tâm chống lại căn bệnh tệ hại trên ⁽¹⁶⁾.

- Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời mở ra thời kỳ nhân dân ta làm chủ vận mệnh của mình. Đồng thời cũng là lúc nhân dân ta bắt đầu học làm dân chủ. Bài học dân chủ lớn đầu tiên là cuộc tổng tuyển cử vĩ đại trong cả nước ngày 6.1.1946. Tổng tuyển cử nói lên hai mặt Hồ Chí Minh và Đảng tuyệt đối tin tưởng vào nhân dân và ngược lại nhân dân cùng tin tưởng tuyệt đối vào Hồ Chí Minh và Đảng. Hồ Chí Minh và các đại biểu do Việt Minh giới thiệu đều trúng cử và trúng cử với số phiếu rất cao. Cũng cần nói thêm một chi tiết. Trong cuộc tổng tuyển cử này số đại biểu ra ứng cử ở các địa phương thường gấp nhiều lần số đại biểu được bầu (thật ra cũng không phải là hay vì sẽ làm cho sự lựa chọn của quần chúng bị phân tán). Chẳng hạn ở Hà Nội số đại biểu được bầu là 6, số ứng cử là 74! Nhưng kết quả chỉ bầu một lần là đủ: người cao phiếu nhất là Hồ Chí Minh đạt 98,4%, người thấp phiếu nhất đạt 52,5% ⁽¹⁷⁾. Một số nơi phải bầu bổ sung, nhưng nhìn chung số đại biểu trong cả nước bầu được về cơ bản tương đương với số đại biểu quy định: 333/330 (do 6 tỉnh bầu quá mỗi tỉnh 1 đại biểu, 1 tỉnh bầu thiếu 1 đại biểu, 1 tỉnh do tình hình chiến sự không bầu được 2 đại biểu). Điều đó chứng tỏ mặc dầu trình

độ dân trí lúc đó còn rất thấp, lại bị kẻ thù xuyên tạc phá hoại điên cuồng, nhưng nhân dân ta vẫn có đủ sáng suốt và bản lĩnh chính trị để thực hiện xuất sắc quyền làm chủ của mình. Đó cũng là bài học lý thú về niềm tin vào lòng yêu nước và cách mạng của quần chúng nước ta, cũng như niềm tin vào năng lực làm chủ của họ.

- Chính quyền cách mạng vừa ra đời đã bị sức ép ghê gớm của giặc ngoài thù trong. Đề tập trung mũi nhọn vào kẻ thù chủ yếu là thực dân xâm lược Pháp chính quyền đó đã buộc phải chấp nhận một sự "liên hiệp" với những đảng phái phải động. Bọn này đã "tham gia" chính quyền một cách bất hợp pháp không thông qua con đường quốc dân lựa chọn. Sự nhượng bộ này theo cách nói tế nhị của Hồ Chí Minh, là dùng phương pháp phi dân chủ để đi đến dân chủ. Lợi dụng sự nhượng bộ đó chúng đã điên cuồng phá hoại hòng làm biến chất chính quyền cách mạng để lật đổ nó từ bên trên. Có người gọi đó là một thứ "đa nguyên chính trị" ở Việt Nam. Nếu đó là đa nguyên chính trị, thì có lẽ là một thứ "đa nguyên chính trị" đặc biệt. Bởi vì đây không phải là đối trọng, đối lập mà là đối địch, đối kháng giữa hai thế lực cách mạng và phản cách mạng, giữa độc lập tự do và xâm lược tay sai. Núp dưới chiêu bài "quốc gia", "cách mạng" giả hiệu, bọn Việt Quốc, Việt cách hoàn toàn không có cơ sở xã hội ở trong nước (có chăng là những căn bã tàn dư của thế lực cũ vừa bị cách mạng lật đổ), mà chúng chỉ dựa vào bọn đế quốc xâm lược bên ngoài. Bọn này hoàn toàn không có chỗ đứng trong lòng dân tộc. Vì vậy một khi chỗ dựa đó mất đi thì chúng cũng tan rã và tự đào thải khỏi bộ máy chính quyền cách mạng một cách nhanh chóng đơn giản.

CHÚ THÍCH:

- (1), (2), (3) Hồ Chí Minh. Toàn tập. S., H., 1981, T. 2, tr. 295, 187, 298.
- (4), (5) Văn kiện Đảng 1930-1945. Ban NCLSDTU, H., 1977, T.1, tr. 68, 71, 70.
- (6) Lịch sử Đảng bộ Đảng CSVN tỉnh Nghệ Tĩnh (sơ thảo). Nghệ Tĩnh, Vinh, 1987. T.1, tr. 90.
- (7) Xô viết Nghệ-Tĩnh. S., H., 1962, tr. 93.
- (8), (9) Văn kiện Đảng 1930-1945. T. 1, tr. 58, 177, 178.
- (10), (11), (12), (13), (14) Văn kiện Đảng 1930-1945. Ban NCLSDTU, H., 1977, T. 3, tr. 58, 195, 196, 197, 453, 468.
- (15) Báo Cứu quốc, 28.8.1945.
- (16) Xem Nguyễn Tri Thư: Hồ Chí Minh- quyền uy và đạo đức (Tạp chí khoa học, DHTH, H., 1990, tr. 70-73)
- (17) Báo Cứu quốc, 12.1.1946